

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/11/2018
V/v: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiện

2. Bà Huỳnh Phương Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Văn Toán- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa- Bà Trần Ngọc Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2018/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 08 năm 2018 về "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2018/QĐXX-ST, ngày 24 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Thị H**, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: ấp An B, xã Bình A, huyện Châu Th, tỉnh Kiên G.

(Chị H có mặt tại phiên tòa)

* Bị đơn: Anh **Trần Th**, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Khu phố Minh L, thị trấn Minh L, huyện Châu Th, tỉnh Kiên G.

(Anh Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 09/8/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị H trình bày:*

Vào năm 2008, chị và anh Trần Th tự tìm hiểu nhau và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên anh chị cùng nhau đi đến hôn nhân, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện,

có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Minh L, huyện Châu Th, tỉnh Kiên G và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2009.

Cuộc sống chung vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng sau đó đến khoảng tháng 7 năm 2017 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường hay xảy ra cự cãi, không hợp nhau về tính tình và cách sống. Anh Th không quan tâm chăm sóc cho gia đình thường xuyên nhậu nhẹt. Do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nữa nên chị đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2017 cho đến nay và cũng từ thời gian đó vợ chồng sống ly thân với nhau. Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh Th nữa nên quyết định ly hôn với anh Th.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh Th có 02 con chung tên Trần Thị Trúc L, sinh ngày 31-03-2009 và Trần Thị Trà M, sinh ngày 16/03/2012, hiện nay các con đang sống chị.

Về tài sản chung :Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có tạo lập được một số tài sản chung nhưng đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung : Vợ chồng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Thị H yêu cầu:

Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh Trần Th.

Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Thị Trúc L, sinh ngày 31/3/2009 và Trần Thị Trà M, sinh ngày 16/3/2012, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/8/2018 và tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 29/10/2018 bị đơn anh Trần Th trình bày:* Anh Th thống nhất về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như chị H trình bày, nhưng anh không đồng ý ly hôn với chị H: Anh Th thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân anh thường xuyên uống rượu, không quan tâm chăm sóc cho vợ con, vợ chồng có hay xảy ra cự cãi, vợ chồng sống ly thân hơn 01 năm nay nhưng anh Th xét thấy anh vẫn còn thương vợ không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nếu tòa án giải quyết cho chị H và anh ly hôn thì anh có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Thị Trúc L, sinh ngày 31-3-2009 và Trần Thị Trà M, sinh ngày 16-3-2012 và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Th. Anh Th vắng mặt.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Thị H đối với anh Trần Th.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Th đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Th tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Thuận vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất xử vắng mặt bị đơn - Do vậy HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Thuận là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Thị H và anh Trần Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn năm 2009 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị H nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp, anh Th thường xuyên uống rượu, không có việc làm, sống thiếu trách nhiệm với vợ con và gia đình. Thực tế chị H đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2017 cho đến nay, vợ chồng sống trong tình trạng ly thân, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, anh Th không có mặt theo thông báo để Tòa án tiến hành hòa giải, thể hiện anh không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H, anh Th đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th để ổn định cuộc sống. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực*

hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác". Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị H về việc xin ly hôn anh Th là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận

[3] Về quan hệ con chung: Chị H và anh Th có 02 con chung là cháu Trần Thị Trúc L, sinh ngày 31-3-2009 và Trần Thị Trà M, sinh ngày 16-3-2012.

Chị H và anh Th đều có nguyện vọng để chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. HĐXX xét thấy từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau đến nay các con do chị H chăm sóc nuôi dưỡng, hiện nay chị H có nghề nghiệp, có thu nhập ổn định có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các con; Còn anh Th hiện nay không có việc làm ổn định, không có thu nhập, thường xuyên uống rượu nên việc anh Th yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng cháu L, cháu M là không có cơ sở chấp nhận. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ kiện tại Tòa án, (tại bút lục số: 16 biên bản ghi nhận ý kiến con chưa thành niên ngày 31-8-2018) thì cháu Trần Thị Trúc L có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh thực tế của đương sự, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị H là giao 02 con chung tên Trần thị Trúc L, sinh ngày 31-3-2009 và Trần Thị Trà M, sinh ngày 16-3-2013 chị Thị Hạnh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, HĐXX đã giải thích cho chị H về quyền yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi cháu L, cháu M cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật, nhưng chị H xác định không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con nên và việc chị H không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX miễn xét.

[5] Về tài sản chung: Chị H và anh Th xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét. Nếu sau khi ly hôn anh chị có phát sinh tranh chấp về tài sản chung của vợ chồng thì anh chị có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] Về nợ chung: Chị H và anh Th cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị H là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thị H và anh Trần Th.
2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Trúc L, sinh ngày 31-3-2009 và Trần Thị Trà M, sinh ngày 16-3-2012 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyện vọng của cháu Trần Thị Trúc L được Tòa án lập biên bản ghi nhận ý kiến con chưa thành niên ngày 31-8-2018). Chị H không yêu cầu anh Thuận phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Thị H và anh Trần Th xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Chị Thị H và anh Trần Th xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Thị H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0006639 ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Th, tỉnh Kiên G; chị H không phải nộp thêm.

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,

tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

7. Chị H có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng